

Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC CỦA VÙNG ĐẤT AN GIANG TRONG THỂ TRẬN PHÒNG THỦ BIÊN GIỚI TÂY NAM CỦA CHÍNH QUYỀN NHÀ NGUYỄN THỜI KÌ 1802 – 1867

TRẦN THỊ THANH THANH*, DƯƠNG THẾ HIỀN**

TÓM TẮT

Trong chiến lược quốc phòng biên giới Tây Nam của chính quyền nhà Nguyễn thời kì 1802 – 1867, vùng đất An Giang giữ vai trò trọng yếu trong các hoạt động tổ chức và thực thi quốc phòng. Những vị trí chiến lược trên các tuyến thủy lộ (bao gồm sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Nao, kênh Thoại Hà, kênh Vĩnh Tế và kênh Vĩnh An), vùng rừng núi Thất Sơn, biên thùy Châu Đốc, Tân Châu... đã tạo cho vùng đất An Giang một ý nghĩa chiến lược quan trọng trong thể trận phòng thủ biên giới Tây Nam thời kì này.

Từ khóa: quốc phòng, An Giang, nhà Nguyễn.

ABSTRACT

The strategic role of An Giang in the Southwest border's defense formation of the Nguyen regime during the period of 1802-1867

In the Nguyen regime's defense strategy for the Southwest border during the period of 1802-1867, An Giang played a significant role in organizing and implementing national defensive activities. Strategic locations on waterway routes (including rivers such as Tien, Hau, Vam Nao, and channels such as Thoai Ha, Vinh Te and Vinh An), That Son mountains, frontiers such as Chau Doc, Tan Chau... all contributed to the role of An Giang as a strategic point in the Southwest border's defense formation during the period.

Keywords: national defense, An Giang, Nguyen Regime.

1. Mở đầu

An Giang là vùng đất địa đầu biên giới Tây Nam với nhiều yếu tố đặc trưng và giữ vai trò rất quan trọng trong chiến lược quốc phòng của nước ta. Từ xưa, so với nhiều vùng đất khác trong khu vực Nam Bộ, An Giang chiếm vị trí quan trọng hơn hẳn và được nhà Nguyễn tập trung công tác quốc phòng. Thể trận phòng thủ biên giới Tây Nam trên vùng đất An Giang của chính quyền nhà Nguyễn từ 1802 đến 1867 thể hiện sâu sắc sự kế thừa và phát triển những chính

sách của các chúa Nguyễn đã tiến hành trong lịch sử. Cũng chính vì thế, vùng đất này vẫn luôn giữ được vị trí và ý nghĩa chiến lược đặc biệt trong công cuộc quốc phòng thời kì nhà Nguyễn.

2. Sự quan yếu của những vị trí chiến lược trên vùng đất An Giang

Chính quyền nhà Nguyễn tiếp tục phát huy ưu thế vị trí, địa hình của vùng đất An Giang vào chiến lược quốc phòng biên giới, đồng thời sáng tạo những phương cách mới để từng bước hoàn thiện công cuộc phòng thủ, bảo vệ vững

*TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: t4196hcm@gmail.com

**ThS, Trường Đại học An Giang

chắc nền độc lập của đất nước ở phía Tây Nam Tổ quốc. Một hệ thống phòng thủ có tính chất liên hoàn từ Tây Ninh kéo dài đến Hà Tiên đã tạo ra tuyến phòng thủ vững chắc phía Tây Nam, trong đó, vùng đất An Giang giữ một vị trí vô cùng trọng yếu.

Đánh giá vị trí quan trọng, thiết yếu của An Giang về mặt chiến lược quốc phòng, vua Gia Long nhận định: “*Châu Đốc, Hà Tiên bờ cõi chẳng kém Bắc Thành*” [5, tr.946]. Đến năm 1833, Minh Mạng vẫn khẳng định: “*Tỉnh An Giang là đất địa đầu xung yếu*” và đưa ra chủ ý “*tất phải xây dựng thành trì để cho sự phòng thủ biên cương được hùng tráng.*” [6, tr.370]. Tất cả đã đặt nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của quân dân thời Nguyễn nơi biên địa An Giang. Trên vùng đất còn nhiều khó khăn và phức tạp này, chính quyền nhà Nguyễn đã thể hiện một nét tích cực với chính sách quốc phòng đúng đắn và vững chắc. Nhà Nguyễn tiếp tục phát huy những công trình quân sự, vị trí đóng quân từ thời các chúa Nguyễn và thời nội chiến với Tây Sơn trên vùng đất An Giang để làm nền tảng cho chiến lược quốc phòng đất nước trong thời kì mới.

2.1. Yếu tố chiến lược từ các tuyến thủy lộ

Sông Mê-Kông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng (Trung Quốc), theo một hành trình dài chảy qua các nước Lào, Myanmar, Thái Lan, Cam-pu-chia rồi vào lãnh thổ Việt Nam, đổ ra biển Đông theo 9 cửa. Vì vậy, phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam của sông Mê-Kông dài khoảng 250km được gọi là sông Cửu

Long với hai nhánh sông chính là sông Tiền và sông Hậu. An Giang với vùng đất địa đầu biên giới Châu Đốc và Tân Châu được coi là đầu nguồn của sông Cửu Long. Trục dọc sông Cửu Long đi xuyên qua vùng Nam Bộ đến tận biển Đông, ngược dòng Cửu Long có thể qua Cam-pu-chia (Chân Lạp) rồi đi tới Thái Lan (Xiêm La)... Yếu tố địa lí rất quan trọng này của sông Mê-Kông có vai trò quan trọng và ảnh hưởng mạnh mẽ trong tiến trình lịch sử các quốc gia Đông Nam Á lục địa cũng như vùng đất Nam Bộ Việt Nam. Sông Tiền và sông Hậu chi phối hầu hết các tuyến đường thủy trên địa bàn An Giang và có vai trò tiên quyết trong công cuộc mở đất, cai quản, kiểm soát trên toàn vùng Nam Bộ xưa. An Giang trở thành trung tâm thực thi chiến lược bảo vệ biên cương trên các tuyến thủy lộ trọng yếu từ thời các chúa Nguyễn, chi phối mạnh mẽ chính sách quốc phòng của chính quyền vua Nguyễn trên vùng biên giới Tây Nam.

• Trên tuyến sông Tiền

Ngõ thủy lộ Tiền Giang chảy qua một vùng lãnh thổ rộng lớn từ biên giới Chân Lạp thuộc địa phận An Giang, Đồng Tháp ngày nay, xuyên qua các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh rồi đổ ra biển Đông theo 6 cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên và Cung Hầu. Theo sách Đại Nam nhất thống chí: “*Sông Tiền Giang cách huyện Đông Xuyên hai dặm phát nguyên từ sông Cửu Long ở Trung Quốc... chảy về phía Đông Nam qua địa phận tỉnh An Giang, bờ phía Nam là địa phận của tỉnh, bờ phía Bắc là địa giới tỉnh Định Tường,*

giữa có bãi Long Sơn, Tân Tụ và Chà Và, lại chảy quanh có 58 dặm chia làm kênh Thuận, lại chảy 9 dặm chia làm sông Lễ Công, lại chảy 10 dặm chia làm sông Tú Điền. Ở giữa nổi lên cồn bãi làm thành bãi Doanh Châu, Tùng Sơn, Ngưu Châu, quanh có 29 dặm đến huyện Vĩnh An, chia làm sông Hội An, sông Tân Đông, 42 dặm qua lỵ sở Tân Thành làm thành sông Sa Đéc...” [9, tr.199-200]. Phía Đông sông Tiền là khu vực miền Biên Hòa, Sài Gòn – Gia Định, Mỹ Tho Đại Phố với những trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa... quan trọng nhất của đất Nam Bộ xưa. Trong buổi đầu mở đất và giữ đất, sông Tiền được xem là tuyến thủy lộ trọng yếu thông suốt với hệ thống sông Vàm Cỏ - Sài Gòn. Điều này mang đến sự thuận lợi cho việc di chuyển bằng đường thủy từ phía Đông sang phía Tây của vùng Nam Bộ, cũng như ngược lên phía Bắc đến Chân Lạp, rồi qua Xiêm La. Trong suốt mấy trăm năm khai phá vùng đất Nam Bộ, sông Tiền là nơi xuôi ngược đi về của những lưu dân khai hoang mở đất, những cuộc hành quân lớn nhỏ của các đội thủy binh. Đối với Chân Lạp và Xiêm La, sông Tiền thường là con đường thủy thuận lợi để hành quân xâm nhập vào khu vực trung tâm trù phú Mỹ Tho, Sài Gòn của Nam Bộ. Còn đối với chính quyền chúa Nguyễn, vua Nguyễn, khi có việc cần thiết phải đến vùng biên viễn An Giang, Hà Tiên hay vùng đất phía Tây sông Hậu thì nhất thiết phải di chuyển qua khu vực sông Tiền. Từ Gia Định có thể đi từ sông Sài Gòn qua sông Vàm Cỏ để vào sông Tiền. Theo đường biển Đông, từ miền Trung và miền Bắc vào có

thể theo các cửa của sông Cửu Long ngược dòng về phía biên giới để đến sông Tiền.

Sông Tiền được xem là tuyến phòng thủ trọng yếu có tính chất bán lẻ của quân đội nhà Nguyễn trấn giữ biên cương, với hàng loạt căn cứ trải dài và rộng, gồm Tân Châu [9, tr.220], Hùng Ngự¹, Tiến An, Nhân Hội [9, tr.221], Vĩnh Thành, An Lạc [5, tr.407], Thủ Chiến Sai [6, tr.965], Sa Đéc [9, tr.217]... Các căn cứ này được bố trí lực lượng phòng vệ nhằm giữ an ninh và hỗ trợ nhau khi có biến; mặt khác cũng được chi viện nhanh chóng từ những căn cứ có tính liên hoàn ở các tỉnh khác như Vĩnh Long, Định Tường² và cả Gia Định. Việc di chuyển thuận lợi bằng đường thủy trên sông Tiền không những giúp tuyến phòng thủ này chiếm ưu thế trong việc hành quân, chi viện, mà trong tác chiến của quân đội có thể tạo ra nhiều bất ngờ đối với quân địch từ nơi xa đến. Điều này thể hiện rõ qua các cuộc giao tranh của quân đội nhà Nguyễn với quân Xiêm năm 1833 – 1834 trong các trận chiến Vàm Nao và Củ Hủ.

• Trên tuyến sông Hậu

Phía Tây sông Tiền, tuyến thủy lộ Hậu Giang chảy từ biên giới Chân Lạp xuyên qua vùng lãnh thổ trung tâm của An Giang rồi đổ vào các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng ngày nay, thông ra biển Đông theo 3 cửa là Định An, Ba Thắc và Tranh Đề. Sách Đại Nam nhất thống chí viết: “...Sông Hậu Giang ở cách huyện Tây Xuyên (tỉnh An Giang thời nhà Nguyễn) 8 dặm về phía Tây Bắc [tức là

huyện lỵ Tây Xuyên cũng là tỉnh thành Châu Đốc nằm ở phía Tây Bắc bờ sông Hậu]. Phát nguyên như sông Tiền Giang, đến phủ Nam Vang nước Cao Miên, chia một nhánh về phía Tây Nam làm sông Hậu Giang. Phía Đông sông là địa phận các huyện Đông Xuyên, Vĩnh An, An Xuyên (là các huyện của phủ Tân Thành tỉnh An Giang thời nhà Nguyễn). Phía Tây là địa phận các huyện Tây Xuyên, Phong Phú, Vĩnh Định, và Phong Thịnh (là các huyện thuộc 2 phủ Tuy Biên và Ba Xuyên tỉnh An Giang nhà Nguyễn). Sông ở giữa địa phận của tỉnh...” [9, tr.205]. Sông Hậu có vị trí chiến lược chẳng kém sông Tiền, là tuyến thủy lộ quan trọng bậc nhất, chi phối mạnh mẽ vùng đất Tâm Phong Long xưa, cũng như cả khu vực phía Tây sông Hậu. Ngay từ buổi đầu, chúa Nguyễn đã cho thiết lập đạo Châu Đốc [5, tr.166] một địa hạt hành chính - quân sự trọng yếu để bước đầu quản lí vùng đất vừa tiếp quản cũng như tạo căn cứ tiền tiêu trong hệ thống phòng thủ phương Nam bên bờ sông Hậu. Trước những nguy cơ rất lớn đến từ Xiêm và Chân Lạp, trong việc quốc phòng, trị an cho vùng đất mới, đồng thời trên cơ sở vốn có là căn cứ chống Tây Sơn trong giai đoạn Nguyễn Ánh phục nghiệp, chính quyền từ chúa Nguyễn đến vua Nguyễn liên tục cho xây dựng, củng cố các đồn, thủ nhằm hình thành hệ thống căn cứ quân sự tương trợ nhau trên sông Hậu, đồng thời liên kết với hệ thống phòng thủ trên sông Tiền trong mục tiêu chung của đất nước³. Trên đất An Giang xưa, từ đạo Châu Đốc theo sông Hậu đi về phía hạ lưu, liên tiếp gặp các đồn

Châu Giang, thủ Thuận Tân (Thuận Phiếm), thủ Đông Xuyên, thủ Cường Thành, thủ Cường Oai, thủ Trấn Giang (thuộc Cần Thơ ngày nay), thủ Trấn Di (thuộc Sóc Trăng ngày nay), tất cả tạo ra sự liên hoàn, hiệp trợ nhau khi có biến, đồng thời giữ an ninh trật tự phục vụ cho sự nghiệp khai hoang lập làng buổi đầu. [9, tr.217-218]

Sông Hậu giữ vai trò đặc biệt trong chính sách quốc phòng của chính quyền vua Nguyễn trên vùng đất An Giang. Trên cơ sở những căn cứ quân sự của thời kì trước, chính quyền nhà Nguyễn đã hoạch định lại những vị trí bố phòng then chốt bên cạnh việc mở rộng và tăng cường các đồn, bảo, thủ, sở. Do thấy được tầm quan trọng và tính chất quyết định của mặt sông Hậu đối với toàn bộ hệ thống phòng thủ trên tuyến biên giới Tây Nam, chính quyền nhà Nguyễn đã từng bước thiết lập rất nhiều căn cứ trải dài từ biên giới xuống phía Nam bao gồm các đồn Bình Di [5, tr.407], Bình Thiên [5, tr.408], Đa Phúc [3, tr.536], Châu Đốc [9, tr.216], Châu Giang, Năng Gù, Thuận Tân, Cần Thăng [9, tr.221], An Châu [4, tr.408], Đông Xuyên, Mĩ Thanh [9, tr.221], Trấn Giang [9, tr.218], Trấn Di [9, tr.217], Tái Suất [4, tr.408], Cồn Muộn [4, tr.405], Cường Thắng, Cường Thành, Cường Uy [4, tr.406]... Nếu như hệ thống phòng thủ trên sông Tiền giữ vai trò bản lề trong chính sách phòng thủ của chính quyền nhà Nguyễn thì hệ thống phòng thủ trên sông Hậu giữ vai trò trung tâm trong hệ thống phòng thủ biên giới Tây Nam. Hệ thống phòng thủ trên mặt sông Hậu được vây quanh bởi rất nhiều

hệ thống vệ tinh. Ở mặt Bắc trên đất “bảo hộ” Chân Lạp, nhà Nguyễn đã thiết lập một loạt các đồn binh⁴ như Trấn Tây [8, tr.1016], đồn Thị Đam, Vĩnh Bích [8, tr.741], Ba Nam [8, tr.741], Thiết Thắng [8, tr.1016]... làm những tiền đồn ngăn giặc từ ngoài biên giới. Bên cạnh hệ thống phòng thủ trên sông Tiền ở phía Đông được kết nối với sông Hậu bằng những ngõ thông sông Lễ Công (ở phía Nam) và kênh Vĩnh An (ở phía Bắc). Ở phía Tây sông Hậu là hệ thống phòng thủ Thất Sơn, Vĩnh Tế và Hà Tiên. Trong khi ở phía Nam có sự hỗ trợ của hệ thống phòng thủ vùng Trấn Giang (Cần Thơ), Ba Thắc (Sóc Trăng). Qua đó cho thấy sự tác động to lớn của sông Hậu lên chính sách quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam của nhà Nguyễn.

- **Trên tuyến sông Vàm Nao**

Bên cạnh hệ thống phòng thủ trên sông Tiền và sông Hậu, chính quyền nhà Nguyễn bố trí phòng ngự trên sông Vàm Nao⁵, một yếu địa mang tính chiến lược vừa kết nối hai hệ thống phòng thủ lớn trên sông Tiền và sông Hậu vừa có những đặc điểm thuận lợi cho việc tập kích quân địch từ nơi xa đến và liên lạc quân sự dễ dàng trên hai mặt trận sông Tiền và sông Hậu. Sông Vàm Nao không những là chiếc cầu giữ liên lạc mật thiết giữa sông Tiền và sông Hậu mà còn là yếu địa chiến lược của những trận tập kích của quân ta trước kẻ thù xâm lược, nổi bật như trong cuộc chiến năm 1833 với quân Xiêm.

- **Hệ thống kênh đào**

Trong hệ thống phòng thủ bằng đường thủy, nhà Nguyễn đã thể hiện rõ

sự đột phá về mặt chiến lược và hành động. Với ý thức lấy sông Hậu làm trung tâm, nhà Nguyễn đã tiến hành cho khơi đào những ngõ thủy lộ hiệp trợ mang ý nghĩa quốc phòng rất lớn trên đất An Giang bằng việc cho ra đời của ba con kênh Thoại Hà, Vĩnh Tế và Vĩnh An đều có đầu xuất phát từ sông Hậu.

Kênh Thoại Hà là một công trình có ý nghĩa thiết yếu của hệ thống phòng thủ. Bên cạnh giá trị kinh tế, khai hoang phục hóa để phát huy tiềm lực, về mặt quốc phòng kênh Thoại Hà cho thấy tầm nhìn vượt hẳn thời chúa Nguyễn vì nó thông từ sông Hậu ra đến Biển Tây, từ khu vực Đông Xuyên (Long Xuyên) ra đến Rạch Giá, nơi đạo Kiên Giang thời chúa Nguyễn. Do đó, khi có giặc, từ đồn Rạch Giá có thể thoái lui dễ dàng về Trấn Giang theo đường thủy nếu thất thủ, mặc khác có thể đưa quân nhanh chóng từ hệ thống phòng thủ ở Cửu Long Giang sang ứng cứu, khắc phục nhược điểm lớn thời chúa Nguyễn.

Kênh Vĩnh Tế là một công trình thể hiện tầm nhìn chiến lược của chính quyền nhà Nguyễn, trên thực tế đã phát huy được vai trò và lợi ích to lớn của nó đối với chính trị, an ninh quốc phòng cũng như phát triển kinh tế vùng biên viễn trên toàn bộ khu vực phía Tây Nam từ Châu Đốc đến Hà Tiên. Vua Gia Long đã đề xuất thiết lập một thủy lộ chạy song song với tuyến chiến lược phòng thủ Hà Tiên và Châu Đốc, nhằm tạo ra sự tương trợ cần thiết giữa quân bộ và quân thủy trong việc gìn giữ biên cương trước sự tấn công từ bên ngoài. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết năm 1816, trấn thủ Vĩnh Thanh Lưu

Phước Tường tâu với vua Gia Long về việc xây dựng thành Châu Đốc. Vua xem địa đồ miền Châu Đốc Tân Cương rồi truyền rằng: “*Xứ này nếu mở đường thủy thông với Hà Tiên thì hai đàng nông thương đều lợi. Trong tương lai, dân đến ở càng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một thị trấn to vậy*” [5, tr.940]. Có thể thấy, chính vị trí có ý nghĩa chiến lược đã tạo ra sự liên kết hữu cơ trong việc bố phòng, cũng như phát triển kinh tế giữa hai vùng của An Giang (Châu Đốc và Thất Sơn) với Hà Tiên, tạo điều kiện thuận lợi để con kênh Vĩnh Tế ra đời, hoàn thành hệ thống phòng thủ biên giới Tây Nam trong giai đoạn trước khi thực dân Pháp xâm lược. Kênh Vĩnh Tế là hệ thống phòng thủ đường thủy ở phía trước, nơi tiếp giáp Chân Lạp, linh hoạt trong di chuyển và tác chiến được hỗ trợ từ hệ thống phòng thủ bộ binh Thất Sơn rất vững chắc ở phía sau, đồng thời kết hợp với hai hệ thống phòng thủ hữu cơ rất cơ động trên sông Tiền và sông Hậu tạo ra thế tấn công địch liên tục. Tướng nhà Nguyễn Lê Văn Đức từng cho ý kiến: “*Sông Vĩnh Tế là đường sau của Hà Tiên, thông vào tận ruột tỉnh An Giang, việc phòng bị rất là quan trọng*” [8, tr.366]. Theo dòng Vĩnh Tế, chính quyền nhà Nguyễn đã thiết lập một hệ thống phòng thủ quan trọng bao gồm các đồn bảo như Vĩnh Tế [7, tr.827], Vĩnh Gia [4, tr.405], Vĩnh Điều [9, tr.219-221], Tiên An [3, tr.536], Nhơn Hội [9, tr.219-221], Giang Nông [3, tr.536]... có ý nghĩa như một bức “*Vạn lí hào thành*”, với sự cơ động và vững chắc của các đội quân thủy, bộ để ngăn giặc từ phía Chân Lạp,

hỗ trợ đắc lực cho hệ thống phòng thủ ở Hà Tiên – Phú Quốc. Điều này thể hiện rất rõ qua lời tâu của Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Công Nhân lên vua Thiệu Trị “*Vĩnh Tế là đường sau tỉnh Hà Tiên, nếu bị cắt đứt thì Hà Tiên không thể giữ được*” [8, tr.316]. Từ khi ra đời năm 1824, kênh Vĩnh Tế đã giữ vai trò trọng yếu trong chính sách quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam của chính quyền nhà Nguyễn.

Trong khi đó, kênh Vĩnh An được khơi dòng để kết nối hệ thống phòng thủ trên sông Tiền với các hệ thống phòng thủ khác mà trực tiếp là sông Hậu. Công trình này thể hiện được tầm nhìn chiến lược của chính quyền nhà Nguyễn trong sự cơ động của thủy binh không những trong lúc căng thẳng với quân Xiêm những năm 1843, 1844 mà cả về sau.

Chính vì vùng đất An Giang sở hữu những ngõ thủy lộ vô cùng quan trọng trong sự thiết lập thế trận quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam, nên việc chính quyền nhà Nguyễn tập trung xây dựng một lực lượng thủy binh hùng mạnh ở vùng đất này là một tất yếu. Theo đó, tỉnh An Giang được xây dựng một đội Vệ thủy với đội thuyền có lúc lên đến 65 thuyền Đền thủ (1854)⁶ với đầy đủ binh lính, khí giới, chiến cụ. Tất cả trở thành cơ sở để tạo nên sự vững chắc của hệ thống phòng thủ biên giới Tây Nam của chính quyền nhà Nguyễn.

2.2. Ý nghĩa chiến lược của những vùng địa đầu biên giới

• Khu vực Thất Sơn

Vùng đất An Giang mang đặc điểm bán sơn địa rất rõ nét với sự phân bố rộng

khắp của địa hình đồi núi. Trong đó, vùng Thất Sơn với diện tích khoảng 600km² địa hình đồi núi được xem là một ưu thế rất lớn trong việc thiết lập thế trận phòng thủ và triển khai phản công. Vùng Thất Sơn như một pháo đài thiên nhiên vô cùng kiên cố trước Chân Lạp và Xiêm La, án ngữ cả vùng bờ biển Hà Tiên, Rạch Giá, làm tấm bình phong che chắn cho cả khu vực phía Tây Nam của Nam Bộ. Yếu tố hiểm địa của vùng núi non được các nhà quân sự từ cổ chí kim thừa nhận và đánh giá rất cao trong việc điều binh khiển tướng. Trong lịch sử Việt Nam, không ít trường hợp đã lợi dụng triệt để địa hình đồi núi để giữ thế phòng thủ và phản công chiến lược giành lấy thế thắng. Có thể kể đến Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979), ông đã lợi dụng địa hình hiểm trở của động Hoa Lư mà xây dựng căn cứ buổi đầu dẹp loạn 12 sứ quân; Lê Lợi (1385 – 1433) nhờ rừng núi Chí Linh mà 3 lần cố thủ thành công tạo tiền đề duy trì lực lượng rồi phản công đánh bại quân Minh. Đó được xem là yếu tố “địa lợi” trong binh pháp.

Vùng Thất Sơn vừa có đồi núi để tạo thế phòng thủ, phản công, lại vừa có đồng bằng để canh tác nuôi quân. Đây chính là yếu tố tạo nên tính bền vững của căn cứ Thất Sơn. Yếu tố địa lợi từ vùng rừng núi Thất Sơn trở thành lá chắn tự nhiên ngăn trở những đợt địch họa từ bên ngoài vào trung tâm An Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung. Do đó, đối với chính quyền nhà Nguyễn, việc kiểm soát và phát huy thế mạnh của vùng đất chiến lược này không thể xem nhẹ trong việc ổn định và phòng thủ biên giới Tây Nam.

Tuy nhiên, đây là sự nghiệp khó khăn vì nơi này tập trung phần lớn cư dân Khmer, hay bị kích động, dễ bị chi phối từ phía Chân Lạp, gây nên tình hình trị an thường xuyên bất ổn. Điều này phương hại đến công tác quốc phòng của nhà Nguyễn trên cả vùng biên giới Tây Nam. Vấn đề này thể hiện khá rõ trong thời Thiệu Trị khi vùng Thất Sơn liên tục bất ổn song song với cuộc xâm lược của liên quân Xiêm La – Chân Lạp vào Hà Tiên, An Giang từ 1841 đến 1845. Trong suốt thời gian đó, chính quyền nhà Nguyễn phải liên tục vừa điều quân trấn áp bên trong vừa chống giặc bên ngoài, thể hiện rõ thế lâm nguy cho phía Nam đất nước. Chính quyền nhà Nguyễn nhiều lần thừa nhận vùng Thất Sơn rất hiểm trở, “*đường rừng nhiều ngã, chưa dễ đi cùng kiệt trong rừng núi*” [8, tr.248], nên việc kiểm soát càng được tăng cường. Chính vì sự quan trọng và sức tác động của vùng Thất Sơn lên chính sách quốc phòng của nhà Nguyễn rất lớn nên việc thiết lập một hệ thống vừa giữ an ninh, trật tự vừa phòng thủ biên giới là một nội dung quan trọng của công cuộc quốc phòng nơi đây. Trong vùng Thất Sơn, nhà Nguyễn đã thiết lập một hệ thống phòng thủ bao gồm nhiều đồn bảo như Tỉnh Biên [1, tr.19], Tiên Nông [8, tr.323], Vĩnh Thông, Vĩnh Điều [9, tr.219-220], Thân Nhân, Hưng Nhượng, Thuyết Nật, Đàm Triết [8, tr.141, 323]... Các đồn bảo này có sự liên hệ với nhau, đồng thời cũng liên hệ mật thiết với các hệ thống phòng thủ Vĩnh Tế, Hà Tiên, Châu Đốc thông qua đường liên lạc thủy kênh Vĩnh Tế. *Đại Nam thực lục* chép:

“*Một dải sông Vĩnh Tế là đường lối buộc phải đi qua của hai tỉnh An Giang và Hà Tiên khi có việc tư báo hoặc vận lương*” [8, tr.141]. Có thể nói, vị trí và địa hình đặc trưng của vùng Thất Sơn đã tác động lớn đến chính sách quốc phòng của nhà Nguyễn, đóng góp to lớn vào công cuộc giữ nước của dân tộc trên tuyến biên giới Tây Nam từ đầu thế kỉ XIX đến trước khi thực dân Pháp xâm lược (1867).

- **Khu vực Châu Đốc**

Khi đề cập vị trí chiến lược của vùng đất An Giang, các nhà quân sự thời Nguyễn thường dành cho vùng Châu Đốc một vị trí xứng đáng. Vùng đất này hội đủ những yếu tố để trở thành một trung tâm cả về quân sự, chính trị lẫn kinh tế qua nhiều thời kì. Châu Đốc được xem là nơi biên viễn phức tạp, khai phá muộn nhưng có địa thế chiến lược “*tựa núi nhìn sông*”, “*tiền tam giang, hậu thất lĩnh*”, án ngữ hai đường thủy bộ thuận lợi từ Chân Lạp vào nước ta. Ngay từ thời các chúa Nguyễn, đây đã là nơi tập trung của nhiều đồn bảo quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống phòng vệ phương Nam chạy từ Châu Đốc qua Thất Sơn đến Hà Tiên, tạo thế phòng thủ liên hoàn trên tuyến đường bộ tiến vào khu vực Nam Bộ. Các đồn bảo được chính quyền chúa Nguyễn cho thiết lập xuyên suốt từ Châu Đốc qua Hà Tiên với sự kết hợp giữa bộ binh và thủy binh, linh hoạt trong chiến đấu. Vùng Châu Đốc không chỉ thuận lợi cho việc phòng thủ ngăn giặc ngay khi mới vào nước ta mà còn là nơi yếu địa đặt căn cứ điều hành, đảm bảo công tác chỉ huy nhanh chóng trong hệ thống phòng thủ biên giới Tây Nam.

Vùng đất này được các vua Nguyễn đánh giá rất cao khi bàn về vị trí xây dựng lỵ sở chỉ huy cho cả hai tỉnh An Giang và Hà Tiên: “*Bàn về hình thế, thì Mỹ Đức (Châu Đốc) tuy hẹp mà không chế được Phù Cừ, Kim Dữ (thuộc Hà Tiên) như vạt áo, như cổ họng của núi, biển, thực là chỗ đất quan yếu. Đến như sông Tiền Giang, Hậu Giang ở tỉnh An Giang đều từ Nam Vang đổ lại, mà bên tả sông Hậu Giang thì là đất liền dân người Kinh ở, đất bằng liền thấp, thông suốt nhiều ngã, lúc quốc sơ dựng đồn (tức là đồn Châu Đốc, nay là Đồng Phú) ở đây, thực là chỗ quan yếu để không chế các bộ lạc người phiên. Long Sơn thì dựa lệch vào sông Tiền Giang, không đẹp bằng chỗ Đồng Phú này. Vua cho là phải.*” [4, tr.178].

Trong chiến lược quốc phòng của chính quyền nhà Nguyễn trên vùng đất An Giang, Châu Đốc được xem như khu vực đầu não với nhiều đồn, bảo, thành lũy, kho trữ quan trọng, giữ vai trò chỉ huy hệ thống. Nhà Nguyễn sớm nhận ra vị trí chiến lược của Châu Đốc mà ít nơi nào có được. *Đại Nam nhất thống chí* chép: “*Châu Đốc về phía Tây cách tỉnh Hà Tiên 203 dặm, phía Bắc cách thành Nam Vang 244 dặm rưỡi, thật là nơi biên phòng quan yếu*” [9, tr.216]. Về đường thủy, Châu Đốc thông tuyến đến tất cả những trung tâm quan trọng thuộc nội thủy khu vực Nam Bộ cũng như thông ra đến biển Đông và biển Tây, phía Bắc lên đến Chân Lạp, Xiêm La. Về đường bộ, Châu Đốc có đường đến cuối địa giới Vĩnh Long dài hơn 25.800 trượng, một đường đến Hà Tiên xuất phát từ trạm

Giang Phúc dài hơn 14.500 trượng, một đường đến thành Trấn Tây (Châu Lạp) xuất phát từ bờ Vĩnh Tế dài hơn 14.900 trượng [7, tr.747], lại có đường thông vào khu vực Thất Sơn qua ngõ “Tân lộ kiều lương”. Như vậy, về hai tuyến thủy bộ, Châu Đốc đều thông suốt đảm bảo cho việc hành quân, truyền tin và vận lương, những yếu tố rất quan trọng trong công tác quốc phòng. Mặt khác, trong chiến lược quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam, việc lấy hệ thống phòng thủ trên sông Hậu làm trung tâm mà Châu Đốc là tuyến đầu quan yếu trong hệ thống đó đã cho thấy sự tác động rất lớn của vùng đất này đối với sự an nguy của quốc gia ở phía Tây Nam. Nhiều cơ sở quan trọng được xây dựng ở Châu Đốc như thành tỉnh An Giang [9, tr.192-193] là trung tâm chỉ huy của cả hai tỉnh An Giang và Hà Tiên; đồn Châu Đốc [5, tr.917-941] và kho Đốc Tín [3, tr.452] lớn nhất ở phía Tây Nam... lại cho quân đội chủ lực đóng ở đây. Tất cả đã nói lên vị trí và tầm quan trọng của Châu Đốc với chiến lược quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam của chính quyền nhà Nguyễn.

- **Khu vực Tân Châu**

Trên vùng đất An Giang thời Nguyễn, bên cạnh vị trí chiến lược vô cùng quan trọng của Châu Đốc, chính quyền nhà Nguyễn cũng rất đề cao vị trí án ngữ vùng đầu nguồn sông Cửu Long của Tân Châu. Trên vùng đất này, nhà Nguyễn đã từng bước bố trí các căn cứ quân sự, đặt quân trấn giữ để biến cù lao này thành “chiến hạm khổng lồ” ngăn giặc giữa dòng Cửu Long. Tân Châu sở hữu vùng Long Sơn rất quan yếu mà

chính quyền nhà Nguyễn từng đánh giá: “*Thôn Long Sơn ở về đất thượng du, hình thế cao ráo sáng sủa, thêm vào đó, lại có 2 con sông Tiền Giang và Hậu Giang bao bọc, thực là nơi danh thắng*” [7, tr.802]. Tuy nhiên, do chiến lược quốc phòng và công cuộc bảo hộ Châu Lạp có những diễn biến mới mà vùng Long Sơn dần mất ưu thế chiến lược so với Châu Đốc “*nhưng nay quan quân đóng giữ ở Trấn Tây thì chỗ ấy trở thành nơi nội địa lại chẳng cần thiết trước mắt nữa. Thành trì Châu Đốc hiện thành cơ sở rồi, thì đóng ở đây cũng đủ giúp cho việc phòng ngự*” [7, tr.802], do đó, thành tỉnh An Giang cũng không được dựng ở đây mà dời về Châu Đốc. Tuy nhiên, do vị trí án ngữ khá quan trọng của Tân Châu nên chính quyền nhà Nguyễn đã thiết lập nhiều đồn, bảo quan trọng thuộc vùng đất này như: đồn Long Sơn [7, tr.802], bảo An Lạc, bảo Vĩnh Thành [9, tr.219-220]. Mặt khác, nhà Nguyễn còn thiết lập những đồn bảo quan trọng bên kia sông Tiền thuộc Định Tường như Hùng Ngự, Thông Bình [9, tr.216] để hỗ trợ nhau. Tân Châu trở thành một mắt xích quan trọng trong hệ thống phòng thủ trên vùng biên giới Tây Nam của chính quyền nhà Nguyễn ở An Giang.

Mỗi vùng đất biên giới của An Giang nắm giữ những vai trò chiến lược khác nhau, có sự liên kết hỗ trợ nhau một cách tự nhiên, cũng như dưới tác động của chính quyền nhà Nguyễn đã tạo ra một sức mạnh to lớn trong công cuộc phòng thủ trên vùng biên giới Tây Nam của đất nước.

3. Kết luận

Với cách nhìn nhận tổng thể về thế trận quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam, chính quyền nhà Nguyễn đã chủ tâm kiến tạo vùng biên địa từ An Giang qua Hà Tiên thành một hệ thống phòng thủ kiên cố, vững mạnh đủ sức đánh bật mọi sự tấn công xâm lấn từ phía Chân Lạp và Xiêm La. Trong hệ thống phòng thủ đó, vùng đất An Giang với vị trí án ngữ biên thù, ngõ thông tứ hướng có ý nghĩa chiến lược quyết định đến sự thành bại của cả hệ thống. Trên vùng đất An Giang, chính quyền nhà Nguyễn đã hoạch định đúng đắn khi xây dựng từng hệ thống phòng thủ vệ tinh theo đặc trưng địa hình và vị trí chiến lược, có sự kết hợp giữa thủy và bộ, giữa địa hình sông nước linh hoạt với núi rừng vững chắc, trong đó tuyến sông Hậu (bao gồm cả Châu Đốc) làm trung tâm điều tiết và chỉ huy. Đây là đặc điểm quan trọng của thế trận phòng thủ ở An Giang, được bao quanh bởi các tuyến phòng thủ sông Tiền, Vĩnh Tế, Thất Sơn, Châu Đốc, Tân Châu được xây dựng rất cơ bản, được chỉ

huy, điều hành bởi những danh tướng mưu trí, dày dạn trận mạc, am tường binh pháp như Nguyễn Văn Thoại, Trương Minh Giảng, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn... Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hào từng nhận định vùng đất An Giang quan trọng bởi hai yếu tố “*dãy Thất Sơn với gần 20 ngọn núi nằm về phía Tây Mốt Chrút (Châu Đốc) là một địa lợi về mặt cự hiểm quân sự, những nhánh sông Tiền và Hậu lưu thông từ Phnom Penh ra biển phía Nam lại là một thủy đạo thiết yếu về thương mại và quốc phòng*” [1, tr.3]. Do vị trí đặc biệt, hệ thống phòng thủ trên biên địa An Giang được thiết lập với vai trò trung tâm của thế trận phòng thủ biên giới Tây Nam, có sự liên kết hữu cơ với những hệ thống phòng thủ khác thuộc Hà Tiên, Định Tường, Vĩnh Long và Gia Định, cũng như giữ liên hệ chặt chẽ với triều đình Huế. Vùng đất An Giang mang ý nghĩa chiến lược quan trọng trong thế trận quốc phòng trên vùng biên giới Tây Nam không chỉ của chính quyền nhà Nguyễn thời kì 1802 – 1867 mà cả những giai đoạn giữ nước tiếp sau.

¹ Hội Sử học Đồng Tháp - Tên gọi Hồng Ngự,

http://hkhls.dongthap.gov.vn/wps/portal/hkhls!/ut/p/c0/04_SB8K8xLLM9MSSzPy8xBz9

² Hệ thống đồn bảo liên hoàn hiệp trợ tỉnh An Giang thuộc:

- Tỉnh Định Tường: đạo Trường Đồn, Hùng Ngự, Thông Bình, Cửu An, Trấn Nguyên [9, tr.124-126].

- Tỉnh Vĩnh Long: thành Vĩnh Long [9, tr.150], tấn Định An, Ngao Châu, Bân Côn [9, tr.166-167].

³ Từ năm 1789, Nguyễn Ánh cho xây thủ Đông Xuyên (là một đồn nhỏ tại vàm sông Tam Khê, sau đổi thành sông Đông Xuyên, nay là sông Long Xuyên) để làm tiền đồn chống lại quân Tây Sơn, tiếp đó, ông cho lập đồn Châu Giang, đồn Hồi Oa, thủ Cường Uy để giữ gìn an ninh, phòng thủ quân địch. Bên cạnh đó, Nguyễn Ánh cũng tăng cường quân lực cho các căn cứ cũ từ thời các chúa Nguyễn để biến đất An Giang trở thành căn cứ đứng chân buổi đầu, làm bàn đạp tái chiếm Gia Định, tạo tiền đề cho quá trình phục nghiệp họ Nguyễn Gia Miêu.

⁴ Những đồn lũy nhà Nguyễn thiết lập trên đất Chân Lạp dọc theo sông Mê Kông kéo dài từ biên giới nước ta đến thành La Bích (Lovek).

⁵ Thời chúa Nguyễn cho lập đồn Thuận Tấn ở đầu phía Tây giáp sông Hậu, đến thời nhà Nguyễn đổi thành đồn Thuận Phiếm [9, tr.218].

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện sử học (2007), *Đại Nam thực lục, tập VII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.311.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hầu (1970), *Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long* (chặng cuối cùng của cuộc Nam tiến), Tạp san Sử-Địa, số 20-1970, Sài Gòn.
2. Sơn Nam (1988), *Lịch sử An Giang*, Nxb Tổng hợp An Giang.
3. Nội các triều Nguyễn, Viện sử học (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 9*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Nội các triều Nguyễn, Viện Sử học (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 10*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (2007), *Đại Nam thực lục, tập I*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (2007), *Đại Nam thực lục, tập III*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (2007), *Đại Nam thực lục, tập IV*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (2007), *Đại Nam thực lục, tập VI*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học (2006), *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2013), *Địa chí An Giang*, Nxb An Giang.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-9-2015; ngày phản biện đánh giá: 01-10-2015;
ngày chấp nhận đăng: 23-02-2016)